

Số: 04 /2014/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 23 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định phối hợp quản lý Nhà nước
về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam”**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5
	Ngày: 08/2/2014

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phối hợp quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Điều 8, Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: XD, TP (để b/c);
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo HN, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐVP(3), XD, GT, TC, NN;
- Lưu VT, XD.

QH. - D\QĐ\2013\001

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Mai Tiến Dũng

QUY ĐỊNH

**Phối hợp Quản lý Nhà nước về chất lượng công trình
xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2014/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết nội dung phối hợp quản lý Nhà nước về chất lượng xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo các quy định của Chính phủ, của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng công trình, áp dụng đối với các loại công trình được đầu tư xây dựng bằng mọi nguồn vốn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các chủ thể tham gia dự án đầu tư xây dựng để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Việc phối hợp quản lý nhà nước thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ thể tham gia dự án đầu tư xây dựng trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan.

3. Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp nhằm đảm bảo chất lượng công trình; đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan và cán bộ, công chức tham gia thực hiện công việc từ khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, phê duyệt, thi công, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Chương II

THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 4. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình

1. Đối với các công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách Nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức: Xây dựng- chuyển giao (BT), xây dựng- kinh doanh- chuyển giao (BOT), xây dựng- chuyển giao- kinh doanh (BTO), hợp tác công- tư (PPP) và nguồn vốn hỗn hợp khác: Chủ đầu tư phải gửi hồ sơ trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, dự toán đối với công trình thực hiện thiết kế 3 bước hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế 1 bước, 2 bước và các thiết kế khác (nếu có) triển khai sau thiết kế cơ sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng sau đây thực hiện thẩm định:

2.1. Sở Xây dựng thực hiện thẩm định: Các loại công trình dân dụng, công trình sản xuất vật liệu xây dựng, công trình nhà xưởng, nhà kho công nghiệp, công trình thuộc dự án công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình đường bộ trong đô thị và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. Các loại nhà máy xi măng cấp II, cấp III; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm e, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình do Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng thẩm tra (quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD).

2.2. Sở Công Thương thực hiện thẩm định: Các loại công trình công nghiệp (trừ công trình nhà xưởng, nhà kho công nghiệp) thuộc dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. Các loại công trình quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình do Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công thương thẩm tra (quy định tại Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD).

2.3. Sở Giao thông Vận tải thực hiện thẩm định: Các loại công trình giao thông (không bao gồm công trình đường bộ trong đô thị) thuộc dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. Các loại công trình quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình do Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải thẩm tra (quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD).

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện thẩm định: Các loại công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư. Các loại công trình quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình do Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra (quy định tại Khoản 3, Điều 5, Thông tư số 13/2013/TT-BXD).

2.5. Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định: Các công trình xây dựng trên địa bàn của huyện, thành phố theo chuyên ngành quản lý do Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư (trừ các công trình có tổng mức đầu tư dưới 100 triệu đồng).

2.6. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng công trình là cơ quan thực hiện thẩm định thiết kế đối với công trình xây dựng có cấp cao nhất của dự án.

2.7. Đối với các công trình có quy mô lớn (có nhu cầu chia ra nhiều giai đoạn thiết kế- thi công), có yếu tố công nghệ mới, kỹ thuật phức tạp hoặc khi chủ đầu tư có yêu cầu thì báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm định từng hạng mục công trình trong quá trình thiết kế.

2.8. Trường hợp Cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện để thẩm định thiết kế (đối với công trình quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp,...) thì được thuê hoặc chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện thẩm tra một phần hoặc toàn bộ thiết kế công trình khi được cấp quyết định đầu tư đồng ý về chủ trương, nhưng cơ quan chuyên môn vẫn phải chịu trách nhiệm chung về kết quả thẩm định.

2.9. Đối với các dự án đầu tư có mua sắm trang thiết bị: Sở Tài chính thẩm định đơn giá, dự toán của các gói thầu mua sắm trang thiết bị đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các công trình không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước được quy định tại Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, Chủ đầu tư thực hiện một trong hai cách sau:

3.1. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế;

3.2. Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng hoặc của Cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại, cấp công trình. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để quản lý.

4. Nội dung thẩm định thiết kế công trình xây dựng:

4.1. Đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

- a) Kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát, thiết kế; kiểm tra điều kiện năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế;
- b) Sự phù hợp của thiết kế với quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình;
- c) Mức độ đảm bảo an toàn chịu lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác, kể cả an toàn đối với các công trình lân cận.

4.2. Đối với công trình quy định tại Khoản 1 điều này:

- a) Bao gồm nội dung quy định tại các Tiết a, Tiết b và Tiết c, Điểm 4.1, Khoản 4 Điều này;
- b) Sự phù hợp của thiết kế so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;
- c) Kiểm tra việc áp dụng đơn giá, định mức của dự toán; đánh giá các giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng.

5. Các công trình xây dựng chuyên ngành do các Sở quản lý chuyên ngành trực tiếp làm chủ đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm tham gia ý kiến về sự phù hợp của thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

6. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công cùng với Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình đối với trường hợp thực hiện thiết kế 1 bước; Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trong trường hợp thiết kế 2 bước) hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở.

Chương III **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA CÁC CHỦ THỂ** **THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 5. Trách nhiệm quản lý chất lượng của Chủ đầu tư

1. Chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư do mình quản lý từ khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và nghiệm thu, bảo hành công trình.

2. Trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án: Thành lập Ban Quản lý dự án, lãnh đạo Ban Quản lý dự án phải có đầy đủ điều kiện năng lực theo quy định. Chỉ được ký hợp đồng giao nhận thầu đối với những tổ chức tư vấn, nhà thầu xây dựng có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định hiện hành. Được quyền yêu cầu những đơn vị liên quan, theo hợp đồng, giải trình về chất lượng vật liệu, thiết bị, công việc... và có quyền từ chối nghiệm thu. Ban

Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ và quyền hạn được chủ đầu tư ủy quyền.

3. Trường hợp Chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực theo quy định: Thuê tổ chức Tư vấn có đủ năng lực thực hiện các công việc liên quan đến quá trình đầu tư xây dựng; giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, đặc biệt đối với công tác quản lý chất lượng tại công trường, công tác nghiệm thu (cấu kiện, giai đoạn, hoàn thành) và việc đưa ra quyết định đình chỉ thi công trong những trường hợp cần thiết. Tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng.

4. Trường hợp tự thực hiện thiết kế, thi công xây dựng công trình thì Chủ đầu tư thành lập bộ phận quản lý chất lượng công trình độc lập với bộ phận thiết kế, thi công xây dựng công trình để quản lý chất lượng công trình.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý chất lượng của đơn vị khảo sát xây dựng

1. Khảo sát xây dựng bao gồm khảo sát địa chất, thủy văn, khảo sát hiện trạng, đo đạc địa hình, độ lún, nghiêng, chuyển dịch.. của công trình đang có.

2. Nhiệm vụ khảo sát do đơn vị thiết kế lập hoặc đơn vị khảo sát tự lập, được Chủ đầu tư phê duyệt phải phù hợp với quy mô, các bước thiết kế, tính chất công trình, điều kiện tự nhiên của khu vực xây dựng; đặc biệt khảo sát phải đủ, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, tránh lãng phí.

3. Công việc khảo sát phải phù hợp nhiệm vụ đã phê duyệt, trong báo cáo phải kiến nghị về việc xử lý nền móng công trình xây dựng.

4. Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc khảo sát bổ sung, do thiết kế đề nghị.

5. Việc khảo sát không được xâm hại về môi trường, phải phục hồi lại hiện trạng ban đầu của hiện trường, theo những nội dung phục hồi đã ghi trong hợp đồng.

6. Việc khảo sát không được xâm hại mạng lưới kỹ thuật công trình công cộng và những công trình xây dựng khác trong phạm vi địa điểm khảo sát.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý chất lượng của đơn vị tư vấn thiết kế

1. Chịu trách nhiệm về những quy định pháp lý đã nêu trong hợp đồng, đặc biệt là chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện:

1.1. Phải sử dụng cán bộ có đủ năng lực cho mỗi công việc thực hiện theo quy định.

1.2. Phải có hệ thống quản lý chất lượng để kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế của đơn vị.

1.3. Phải bồi thường thiệt hại do sản phẩm tư vấn của mình gây ra.

1.4. Phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

1.5. Không được chỉ định sử dụng các loại vật liệu hay vật tư kỹ thuật của một nơi sản xuất, cung ứng nào đó, mà chỉ được nêu yêu cầu chung về tính năng kỹ thuật của vật liệu hay vật tư kỹ thuật.

2. Đảm bảo sản phẩm được thực hiện theo đúng nội dung các bước thiết kế đã quy định; phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được áp dụng và nhiệm vụ thiết kế, hợp đồng giao nhận thầu thiết kế với Chủ đầu tư.

3. Đồ án thiết kế chỉ được thực hiện khi Chủ nhiệm đồ án thiết kế và các chủ trì thiết kế có đủ năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng. Người Chủ nhiệm đồ án thiết kế và các chủ trì thiết kế phải chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng sản phẩm do mình thực hiện.

4. Tổ chức tư vấn thiết kế phải có hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thiết kế để kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế.

5. Tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công phải thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp theo quy định.

6. Tổ chức tư vấn thiết kế không được giao thầu lại toàn bộ hợp đồng hoặc phần chính của nội dung hợp đồng cho một tổ chức tư vấn thiết kế khác.

7. Việc nghiệm thu sản phẩm thiết kế phải lập biên bản theo mẫu quy định, trong đó có nêu rõ những sai sót (nếu có), thời gian khắc phục, bổ sung và kết luận về chất lượng.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý chất lượng của đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng

1. Phải có bộ phận chuyên trách đảm bảo duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công xây dựng công trình, từ khi khởi công đến nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Phải phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của giám sát trưởng, các giám sát viên chuyên trách cho từng công việc và thông báo công khai tại công trường và đảm bảo việc giám sát được thường xuyên, liên tục.

3. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của dự án; lập đề cương, kế hoạch và biện pháp thực hiện giám sát.

4. Thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo yêu cầu của hợp đồng, đề cương đã được chủ đầu tư phê duyệt và các quy định về quản lý chất lượng công trình gồm:

4.1. Kiểm tra các điều kiện khởi công; điều kiện về năng lực các nhà thầu, thiết bị thi công so với hồ sơ dự thầu; kiểm tra phòng thí nghiệm của nhà thầu,

những cơ sở sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng (khi cần thiết); kiểm tra chứng chỉ xuất xưởng, chứng chỉ chất lượng vật liệu, cấu kiện và thiết bị trước khi sử dụng vào công trình.

4.2. Kiểm tra chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn, môi trường của công trình, hạng mục công trình. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện.

5. Tổ chức kiểm định sản phẩm xây dựng khi cần thiết; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công.

6. Giúp Chủ đầu tư tập hợp, kiểm tra và trình đơn vị quản lý Nhà nước về xây dựng hồ sơ, tài liệu nghiệm thu, trước khi tổ chức nghiệm thu (giai đoạn, chạy thử, hoàn thành); lập báo cáo thường kỳ về chất lượng công trình xây dựng theo quy định; giúp Chủ đầu tư (hay được ủy quyền) quyết định dừng thi công, lập biên bản khi nhà thầu vi phạm chất lượng, an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

7. Từ chối nghiệm thu các sản phẩm không đảm bảo chất lượng (lý do từ chối phải thể hiện bằng văn bản).

Điều 9. Trách nhiệm quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng

1. Phải đảm bảo tốt các điều kiện về chất lượng, an toàn, vệ sinh môi trường cho công trình đang thi công, những công trình xung quanh và khu vực lân cận.

2. Chỉ được phép nhận thầu thi công những công trình, phù hợp với năng lực của mình; thi công đúng thiết kế được duyệt, áp dụng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được quy định và chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên về chất lượng công trình của Chủ đầu tư, tổ chức thiết kế, tư vấn giám sát và cơ quan Nhà nước theo phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật về thi công xây dựng công trình, kể cả những phần việc do nhà thầu phụ thực hiện theo quy định của hợp đồng giao nhận thầu xây lắp.

4. Vật liệu thành phẩm hoặc bán thành phẩm, cấu kiện xây dựng sử dụng vào công trình phải có nguồn gốc, xuất xứ, có đủ chứng chỉ chất lượng gửi cho Chủ đầu tư để kiểm soát trước khi sử dụng theo quy định; tổ chức hệ thống bảo đảm chất lượng công trình để quản lý sản phẩm xây dựng, quản lý công trình trong quá trình thi công.

5. Đảm bảo chất lượng thi công xây dựng công trình:

5.1. Phải lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó cần có bộ phận giám sát chất lượng của nhà thầu; lập và ghi chép đầy đủ, đúng quy định nhật ký thi công; chỉ được phép thay đổi nguồn vật liệu, bổ sung khối lượng khi được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

5.2. Báo cáo đầy đủ quy trình tự kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng; tổ chức nghiệm thu nội bộ trước khi mời đại diện Chủ đầu tư nghiệm thu; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu để Chủ đầu tư và đơn vị giám sát, tổ chức nghiệm thu.

5.3. Báo cáo thường xuyên với Chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn và vệ sinh môi trường.

5.4. Đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng cho người, thiết bị và những công trình lân cận, kể cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực.

5.5. Lập hồ sơ hoàn công theo quy định hiện hành.

Chương IV **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** **VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 10. Kiểm tra định kỳ, đột xuất của cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng

1. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ:

1.1. Sở Xây dựng lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành của các Sở quản lý công trình chuyên ngành, công tác quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn;

1.2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

1.3. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gửi kế hoạch kiểm tra định kỳ về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và phối hợp kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra định kỳ:

2.1. Kiểm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình;

2.2. Kiểm tra chất lượng các bộ phận công trình bằng trực quan và qua các số liệu thí nghiệm, đo đạc quan trắc hoặc kiểm định (nếu có);

2.3. Kiểm tra các nội dung khác theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

3. Kiểm tra đột xuất về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình:

3.1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra đột xuất một công trình cụ thể khi có yêu cầu của các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi nhận được thông tin phản án của công dân hoặc các phương tiện thông tin đại chúng;

3.2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra một nhóm đối tượng công trình theo các nội dung cụ thể khi phát hiện thấy những dấu hiệu

không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm về quản lý chất lượng của nhóm đối tượng công trình này.

Điều 11. Kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

1. Các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về xây dựng) theo phân cấp các thông tin về địa chỉ liên hệ của Chủ đầu tư và về công trình xây dựng;

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo chuyên ngành quản lý như sau:

2.1. Sở Xây dựng:

a) Trực tiếp kiểm tra các công trình: Nhà máy xi măng cấp III, cấp II; các công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, khu nhà ở; các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm e, Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng kiểm tra (Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) và các công trình quy định tại Điểm 2.5 Điều này;

b) Kiểm tra việc thực hiện công tác nghiệm thu của các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp, tham gia công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình do các sở quản lý xây dựng chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố làm Chủ đầu tư.

2.2. Sở Công Thương: Các công trình quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công Thương kiểm tra (Khoản 2, Điều 25, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) và các công trình quy định tại Điểm 2.5 Điều này;

2.3. Sở Giao thông Vận tải: Các công trình quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải kiểm tra (Khoản 3, Điều 25, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) và các công trình quy định tại Điểm 2.5 Điều này;

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các công trình quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP trừ các công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra (Khoản 4, Điều 25, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) và các công trình quy định tại Điểm 2.5 Điều này;

2.5. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn của các huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư;

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thông báo cho Chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra công trình, bao gồm:

3.1. Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra ở một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng. Số lần kiểm tra (trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công hoặc trong các trường hợp khác do Chủ đầu tư đề nghị) được quy định như sau:

- Không quá 4 lần đối với công trình cấp đặc biệt;
- Không quá 3 lần đối với công trình cấp I;
- Không quá 2 lần đối với các công trình còn lại.

3.2. Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra trước khi Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có thể yêu cầu Chủ đầu tư, các nhà thầu giải trình, làm rõ về các nội dung kiểm tra và phải thông báo kết quả kiểm tra cho Chủ đầu tư; thời hạn và mẫu Thông báo kết quả thực hiện theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Điều 12. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính (công trình có cấp cao nhất) của dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra tất cả các công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định tại Điều 11 Quy định này và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

2.1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các công việc sau:

- a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;
- d) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý nghiệm thu về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do các sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố làm Chủ đầu tư;
- đ) Công bố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn;
- e) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 39, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn;
- f) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;
- g) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

2.2. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

- a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;
- b) Thẩm định thiết kế xây dựng công trình đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý;
- c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra;
- d) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố

đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất.

đ) Liên hệ với Sở Xây dựng để kiểm tra công tác nghiệm thu và tham gia kiểm tra khi nghiệm thu hoàn thành các công trình do mình làm Chủ đầu tư.

2.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép trên địa bàn;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

đ) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

e) Liên hệ với Sở Xây dựng để kiểm tra công tác nghiệm thu và tham gia kiểm tra khi nghiệm thu hoàn thành các công trình do mình làm Chủ đầu tư.

2.4. Trách nhiệm của các Ban Quản lý Khu công nghiệp, Ban Quản lý phát triển Khu đô thị mới tỉnh:

a) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được phân cấp quản lý trong địa bàn, khu vực;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trong địa bàn, khu vực quản lý khi được yêu cầu;

c) Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

d) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng được phân cấp quản lý.

đ) Có trách nhiệm liên hệ với Sở Xây dựng để kiểm tra công tác nghiệm thu và tham gia kiểm tra khi nghiệm thu hoàn thành các công trình do mình làm Chủ đầu tư.

Điều 13. Báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Định kỳ 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Chủ đầu tư xây dựng công trình báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng về Sở Xây dựng để theo dõi và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng gửi về Bộ Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

1. Việc phân cấp đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã quyết định đầu tư trước ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành thì cấp công trình thuộc dự án xác định trong quyết định đầu tư;

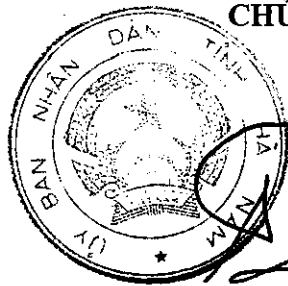
2. Việc phân cấp đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã quyết định đầu tư sau ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành thì cấp công trình thuộc dự án xác định theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Mai Tiến Dũng